TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ CAM LÂM
Chương: 424

Biểu số 2
(Theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của BTC)

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 193 /QĐ-TCNCL ngày 26 / 11/2021 của Trường Trung cấp nghề Cam Lâm)

Đvt: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	
1	***Chi sự nghiệp ……..***	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	***Chi quản lý hành chính***	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	**8.751,933037**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**8.751,933037**
1	**Chi quản lý hành chính**	
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**8.751,933037**
3.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**4.070,957037**
	Loại 070 Khoản 091: **KP không thường xuyên - Nguồn 12:** Đào tạo nghề cho lao động đang làm việc trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018	
	Loại 070 Khoản 092	***4.070,957037***
a	*Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ - Mã Nguồn 0113*	*3.822,957037*
	- Kinh phí tiền lương theo Nghị định 47/2016/NĐ-CP	2.177,957037
	- Kinh phí hoạt động theo hs	1.645,000000
b	*Kinh phí thực hiện CCTL - Mã Nguồn 0114*	*248,000000*
	- 10% tiết kiệm tạo nguồn CCTL	248,000000
3.2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**4.680,976000**
	Loại 070 Khoản 092	***4.680,976000***
	Kinh phí không thực hiện tự chủ - Mã nguồn 0112	*4.680,976000*
	- Chế độ lễ, Tết Nguyên Đán	46,000000
	- Cấp bù học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP	2.400,000000
	- Học bổng học sinh DTTS	2.175,876000
	- Hỗ trợ khác theo Quyết định 53/2015/QĐ-TTg	59,100000